



# 第 22\_1 项训练：古诗与国学填数

(016)

jūn zé jìng 君则敬 chén zé zhōng 臣则忠 cǐ shí yì 此十义 rén suǒ tóng 人所同 dāngshùn xù 当顺叙  
wù wéi bēi 勿违背 zhǎn qí shuāi 斩齐衰 dà xiǎogōng 大小功 zhì sī ma 至缌麻 wǔ fú zhōng 五服终

敬○

所○

功○

缌○

至○

终○

背○

人○

五○

当○

勿○

齐○

服○

顺○

序○

则○

麻○

问○

君○

衰○

此○

违○

义○

则○

小○

斩○

十○

忠○

臣○

大○

使用日期：

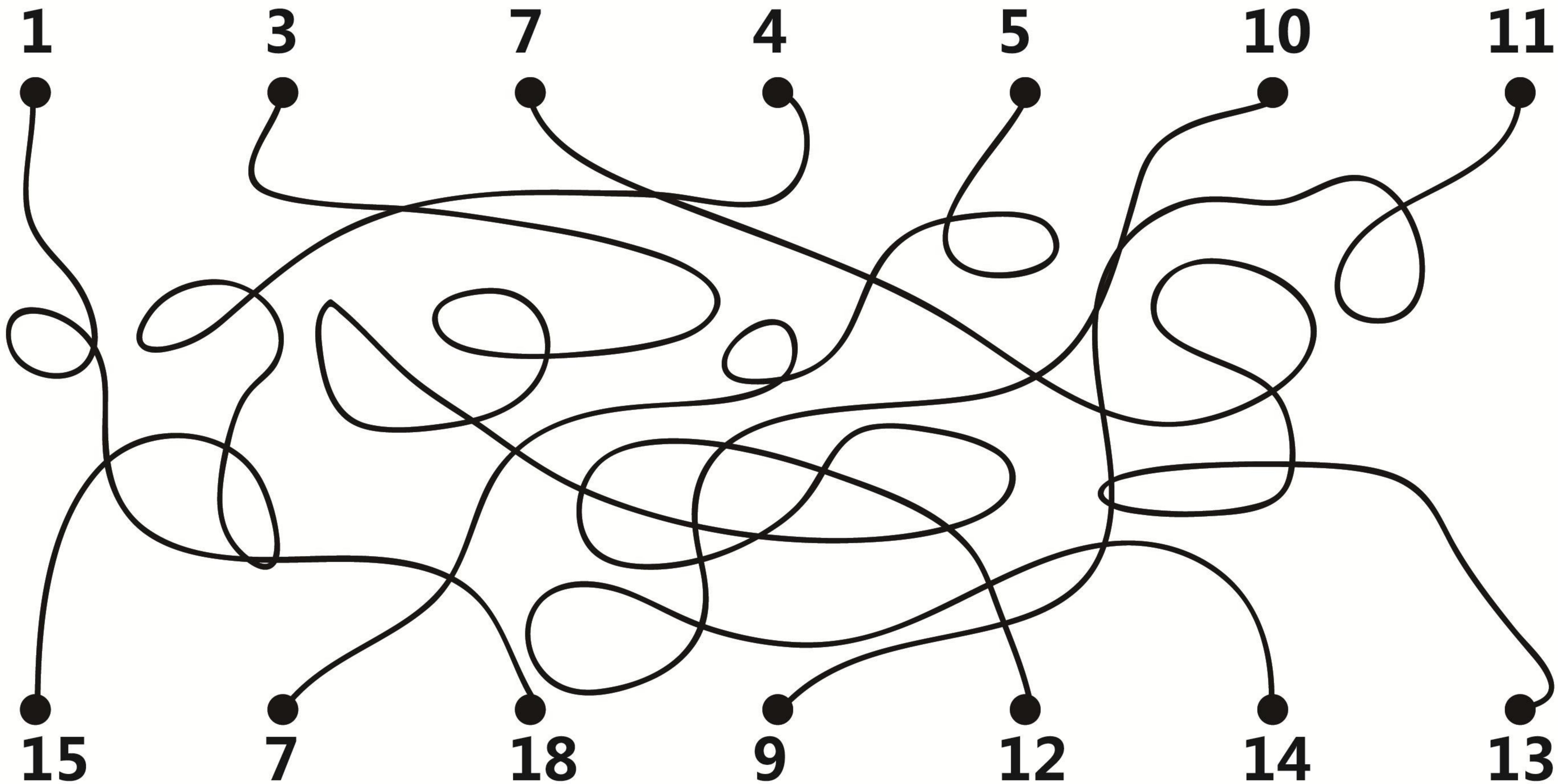
计时： 分 秒

错误：

评语：



## 第 22\_2 项训练：连线



1—( )    3—( )    7—( )    4—( )    5—( )    10—( )    11—( )

(请将另外一端相连的数字填写到对应的括号当中。)

使用日期：

计时： 分 秒

错误：

评语：



## 第 22\_3 项训练：找不同



使用日期：

计时： 分 秒

错误：

评语：



# 第 22\_4 项训练：手脑协调

训练提示：请根据教案中的操作方法操作，并如实记录用时和错误数量。

	5					10						5					10					
1	+	*	+	*	+	+	*	+	*	+	*	+	1									
2	*	+	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2									
3	*	+	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	3									
4	*	+	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	4									
5	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	5									
6	+	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	6									
7	+	+	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	7									
8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	8									

使用日期：

计时： 分 秒

错误：

评语：